

CÂU XÁ LUẬN SỚ

QUYỂN 8

Phẩm 3: PHÂN BIỆT THẾ GIAN (PHẦN 1)

1. Giải thích tên phẩm:

Phẩm phân biệt thế gian: Vì ba cõi hữu lậu bị sự phá hoại nên gọi là thế gian, vì phẩm này nói rộng nên gọi là phân biệt, luận Chánh Lý gọi là phẩm “Duyên khởi”, vì nói về nghĩa duyên khởi. Hai phẩm trước nói chung về pháp hữu lậu, vô lậu, ba phẩm sau nói riêng về pháp hữu lậu vô lậu, trong sáu phẩm sau, ba phẩm trước nói về pháp hữu lậu, còn ba phẩm sau nói pháp vô lậu, vì trước nhằm chán sau ưa thích. Trong ba phẩm đầu trước nói về thế phẩm, sau nói về nghiệp, hoặc, vì trước quả sau nhân, y theo Thế phẩm trước nói về hữu tình, sau nói về khí thế gian, ngoài ra do nội hoặc nên trước nói năng y sau sở y, trước nội quả, sau ngoại quả. Hữu tình có chín thứ khác nhau:

- 1) Nói về Ba cõi.
- 2) Nói về Năm đường.
- 3) Nói về Bảy thức trụ.
- 4) Nói về Chín loại hữu tình cư.
- 5) Nói về Bốn thức trụ.
- 6) Nói về Bốn sinh.
- 7) Nói về trung hữu.
- 8) Nói về Duyên khởi.
- 9) Nói về Bốn hữu (bốn cõi).

Đã nương vào ba cõi cho đến nói rộng có mấy xứ riêng v.v..., trở xuống là ba bài tụng, bài tụng thứ nhất nói về ba cõi, bài tụng này trước có hai câu hỏi, câu thứ nhất nói về thể ba cõi, câu thứ hai nói về trung xứ.

2. Nêu chung thể của cõi Dục:

Luận chép: Gọi là cho đến cõi Dục, là nêu chung thể của cõi Dục

tức là trong cõi Dục hoặc là hữu tình hoặc khí thể gian, gọi chung là đường cõi Dục, chỉ có thế giới hữu tình gồm vô tình. Luận chép: Sáu tầng trời cõi Dục cho đến trời tự tại, là phân biệt tên gọi sáu tầng trời, vì sáu tầng trời này thường thọ cảnh dục hấp dẫn nên gọi là Dục thiên.

1) Bốn thiên vương, chúng thiên, Bốn thiên vương là chủ, chúng là quyến thuộc, tức các tầng cấp trên và các tầng trời như: Bảy lớp núi vàng, mặt trời mặt trăng, các sao v.v... chẳng phải một loại nên gọi là Chúng.

2) Tầng trời thứ ba mươi ba ở trên đỉnh Diêu Cao là chỗ ở của trời Đế-thích, bốn mặt mỗi mặt có tám, tổng cộng có ba mươi ba, cũng gọi là trời Đạo lợi.

3) Trời Dạ-ma, Hán dịch là Thời Phần, vì thọ cảnh năm dục biết thời phần.

4) Trời Đổ-sử-đa, Hán dịch Hỷ Túc, xưa dịch là Tri Túc vì thọ cảnh năm dục sinh hỷ túc.

5) Trời Lạc biến hóa, trong tầng trời đó, cảnh lạc dục thay đổi, ở trong đó thọ dụng.

6) Trời Tha hóa tự tại, ở tầng trời này đối với cảnh dục do người khác biến hóa ra thọ dụng được tự tại.

3. Sự phân chia địa ngục:

Luận chép: Như vậy cõi Dục nói rộng có mấy? Là hỏi, luận chép: Địa ngục châu khác nên thành hai mươi, là đáp bốn đường địa ngục, người, ngạ quỷ, súc sinh, là nêu riêng tên chung, không nêu số riêng. Luận chép: Tám đại địa ngục cho đến địa ngục Vô gián, đây là giải thích sự khác nhau của địa ngục, theo Luận Chánh Lý giải thích các khổ ép ngặt thân thường mê muội như chết, liền sống lại như trước nên gọi Đẳng Hoạt, nghĩa là loại hữu tình đó tuy bị nhiều hình phạt chém chặt, lôi kéo nhưng tạm thời có gió mát thổi đến thì liền sống lại như trước. Vì sống lại như trước nên đặt tên là Đẳng hoạt. Trước tiên dùng giầy đen cột thân thể tay chân sau mới chừa chặt, nên gọi là Hắc thừng, có nhiều thứ khổ đến ép ngặt thân thể, phối hợp bề đẳng tàn hại nhau, nên gọi là Chúng Hợp, các khổ, ép ngặt nhiều thứ khác nhau phát ra tiếng kêu ai oán, đau thương, gọi là Hào khiếu, bị khổ đau ép ngặt dữ dội phát ra tiếng kêu la rất tàn khốc, đau lòng gọi là Đại Khiếu, lửa lan khắp thân đốt cháy hừng hực, khổ nóng khó chịu nổi gọi là Viêm Nhiệt. Hoặc trong, hoặc ngoài thân mình thân người đều phát ra lửa dữ thiêu hại lẫn nhau, tột cùng cái nóng nên gọi là Cực nhiệt.

4. Giải thích tên gọi Vô gián:

Chịu khổ nối tiếp nên gọi là Vô gián, chẳng có vui trong lúc khổ nên gọi Vô gián, nói châu khác nhau cho đến Châu-câu-lô ở phía Bắc đây là nói châu khác nhau. Thiêm-bộ từ rừng mà đặt tên gọi là Châu Thiêm-bộ, do thân tốt đẹp gọi là Châu Thắng Thân, dùng trâu trao đổi hàng hóa gọi là châu Ngưu Hóa. Câu-Lô, Hán dịch là Thắng xứ, trong bốn châu châu này tốt đẹp nhất, mười hai xứ như vậy cho đến xứ thành hai mươi.

5. *Giải thích cõi Sắc:*

Đây là nói bằng sinh (súc sinh), ngạ quỷ, luận chép: Nếu hữu tình giới cho đến đều thuộc cõi Dục là tổng kết cõi Dục. Luận chép: Trong cõi Dục này cho đến gọi chung là cõi Sắc, sẽ giải thích cõi Sắc sau, trong đó có ba, trước nêu sơ lược, kế giải thích rộng, sau là chắc chắn tông. Đây là bậc nhất. Luận chép: Thứ nhất Tĩnh lực cho đến trời Sắc Cứu Cánh, theo Luận Chánh Lý thì chỗ sinh của Quảng Thiện gọi là Phạm, Phạm này tức là đại nên gọi là Đại Phạm vì ở đó được định Trung gian, vì sinh trước nhất, vì chết sau cùng, oai đức đấng thắng gọi là Đại, sở hữu sở hóa sở lãnh của Đại phạm gọi là Phạm chúng, thị vệ sắp hàng trước Đại phạm, gọi là Phạm Phụ, từ trong địa thiên ánh sáng, yếu nhất gọi là Thiếu quang lượng ánh sáng càng mạnh khó suy lường gọi là Vô Lượng Quang, ánh sáng, thanh tịnh chiếu khắp từ địa xứ gọi là cực Quang Tịnh.

Ý địa thọ lạc gọi là Tịnh, trong tự địa thì tịnh này kém nhất gọi là Thiếu Tịnh, lượng tịnh này càng tăng khó sánh lường gọi là Vô lượng tịnh, tịnh trùm khắp gọi là Biến Tịnh, ý nói không có lạc nào hơn ở đây, trở xuống là nơi ở của các vị trời trụ trong hư không, như mây kín đầy gọi là Vân. Chư thiên ở đây là Vô vân địa ở đầu Vô vân nên gọi Vô vân. Lại có chúng sinh có phước cao quý mới được vãng sanh, về đó gọi là Phước sinh, quả dị sinh chỗ đang ở cao quý nhất gọi Quảng quả. Các bậc Thánh lìa dục dùng nước Thánh đạo rửa cấu phiền não gọi là Tịnh, chỗ dừng ở của tịnh thân gọi Tịnh cư, hoặc trụ ở đây mà cùng tội mê sinh tử, như trả hết nợ gọi là tịnh, chỗ người thanh tịnh ở gọi là Tịnh cư, hoặc ở tầng trời này không có loại khác xen lẫn, thuần là chỗ dừng của bậc Thánh gọi là Tịnh cư.

6. *Giải thích các tầng trời:*

Phiền là phiền tạp, hoặc Phiền quảng, không có đầu tiên trong phiền tạp, trong các tầng trời thì tầng trời phiền quảng kém nhất gọi Vô phiền hoặc gọi Vô cầu, vì không cầu thú nhập cõi Vô Sắc. Đã khéo phục trừ tạp tu Tĩnh lực, thương trung phẩm chương, ý ưa điều thuận là

các nóng bức gọi là Vô nhiệt, hoặc khiến sinh phiền não cõi dưới gọi là Nhiệt, ở đây mới xa lìa được gọi là Vô nhiệt, hoặc phục nhiệt, nghĩa là cháy hực, phẩm thượng tu Tĩnh lực và quả, đây vẫn chưa chứng nên gọi Vô nhiệt. Đã đắc phẩm thượng tạp tu Tĩnh lực, quả đức dễ hiển bày gọi là Thiện hiện, tạp tu chướng định, các phẩm còn lại cho đến mỏng nhẹ, cái thấy rất thấu suốt gọi là Thiện Kiến, lại không có xứ trong hữu sắc, có thể vượt qua đây gọi là Sắc Cứu Cánh, hoặc ở đây đã đến chỗ các khổ nương tựa, mé rốt sau gọi là Sắc Cứu Cánh.

7. Mười sáu xứ của cõi Sắc:

Luận chép: Ca-thấp-di-la cho đến bốn chúng vây quanh: Đây là thứ ba, nói cõi Sắc có mười sáu xứ, là nghĩa của luận Bà-sa. Theo ý luận sư nói thì Phạm Vương, và Phạm Phụ không chia ra hai xứ, Vô tướng và Quảng quả hợp thành một xứ cho nên thành mười sáu. Luận Chánh Lý chép mười sáu xứ này các khí thể gian và các hữu tình gọi chung là cõi Sắc, hữu dư nói riêng mười bảy xứ. Trong Sơ thiên lập chung hai xứ, Tứ thiên nói riêng Vô Tướng, lẽ ra luận sư nói có mười tám xứ, do Đại phạm kia đối với trời Phạm Phụ, thì thọ lượng, thân lượng, vô tâm, thọ đẳng đều có khác. Chẳng lẽ không có Vô tướng đối với trời. Quảng Quả, chỉ có dị sinh v.v... có khác nhau, vì vậy đoạn trước lẽ ra cũng nói xứ có mười tám, đây là vấn đề phi lý. Vì sinh lên tầng trời Vô tướng tức trời quảng quả thuộc về nghiệp quả, nếu như vậy Đại phạm thọ sinh thân vì cũng là trời phạm phụ thuộc về nghiệp quả, không nên nói chỉ là một thiên xứ tức là thượng phẩm ở tầng trời phạm phụ nghiệp ràng buộc, chiêu cảm quả Đại phạm, nghiệp này hy vọng kia ít có khác nhau, cho nên chiêu cảm chịu v.v... cũng có chút khác nhau, hoặc trời Đại phạm đối với trời Phạm Phụ kia thọ lượng v.v... khác nhau, hợp thành một xứ thì Thiếu quang v.v... thọ lượng tuy khác nhau, hợp lại thành một xứ, thành lỗi lầm quá lớn, ví dụ này không đúng, vì Đại phạm là một, phải nương đồng phần đặt tên thiên xứ, chẳng phải một Phạm Vương có thể gọi đồng phần. Mặc dù thọ lượng v.v... với các loại khác nhau nhưng do một thân không thành đồng phần, nên cùng Phạm Phụ hợp thành một tầng trời cao thấp tuy khác nhau nhưng địa vị không khác nhau. Trời Thiếu Quang trái với đây, không nên dẫn làm thí dụ, theo văn luận này Chánh Lý cũng cho mười sáu là đúng. Vì Phạm Vương, Vô tướng đều chỉ có một, vì địa vị không khác nhau, thượng tòa sắc xứ lập mười tám tầng trời, vì trong cõi Vô Sắc cho đến lý chắc chắn rõ ràng.

8. Nói về cõi Vô Sắc:

Trở xuống, thứ ba là nói cõi Vô Sắc trong đó có bốn:

1. Vô xứ Vô Sắc.
2. Y theo sinh mà chia xứ.
3. Chứng vô phương xứ.
4. Hỏi đáp sở y.

- Đây là văn phần đầu, do Vô Sắc nên trong cõi Vô Sắc không có nơi chốn riêng, luận chép: Chỉ có dị thực cho đến mạnh yếu có khác. Thứ hai là y theo sinh hơn kém, mà chia xứ, nhưng thật ra không lìa bốn xứ cõi Dục và cõi Sắc, cũng không có nơi chốn khác nhau. Luận chép: Làm sao biết được cho đến trung hữu khởi. Thứ ba là chứng xứ vô phương sở, đặc bốn thứ định, đồng một xứ sinh nên biết bốn Vô Sắc sinh vô biệt xứ. Đặc bốn định cõi Dục có chín xứ, cõi Sắc có mười sáu xứ khác nhau chẳng giống nhau, nếu sinh cõi Vô Sắc thì chết ở cõi Dục, cõi Sắc mà sinh lên, vì vậy biết lìa hai cõi thì không có xứ khác, từ bốn tầng trời kia khi qua đời sinh xuống cõi dưới tức là ở chỗ sanh tử đời trước có hiện tiền truyền thức, nên biết không từ chỗ khác đến. Luận chép: Nếu có cõi Sắc cho đến tâm đẳng nối tiếp, trở xuống là. Thứ tư hỏi đáp sở y, đây là hỏi, luận chép: Luận sư Đối pháp cho đến mà được nối tiếp, là nêu tông Đối pháp đáp. Luận chép: Nếu như vậy hữu sắc cho đến hai thứ nối tiếp này, là nạn. Luận chép: Có cõi Sắc sinh hai thứ yếu kém này? Là đáp: Luận chép: Vì sao hai nhân Vô Sắc này mạnh, hai cõi kia từ cõi Dục có thể hàng phục sắc tướng, là giải thích. Luận chép: Nếu thế đối với kia, cho đến dùng cái gì phân biệt y. Tâm đẳng nối tiếp chỉ y theo thẳng định, đâu cần y đồng phần kia và mạng căn kia, lẽ Luận chép: Lại nay lẽ ra nói cho đến lấy gì làm chỗ nương? Là nạn. Mạng căn và chúng đồng phần, ở cõi Vô Sắc không có sở y, Luận chép: Hai thứ này làm chỗ nương lẫn nhau mà chuyển, là hữu bộ giải thích. Luận chép: Hữu sắc hai thứ sao không nương nhau? Hữu cõi Sắc nghĩa là cõi Dục, cõi Sắc, mạng căn, đồng phần vì sao không như cõi Vô Sắc nương nhau mà chuyển, mà nói y sắc, luận chép: Hữu cõi Sắc sinh ra hai thứ yếu kém này, vì cõi Dục, cõi Sắc kém nên nương sắc để chuyển, hai cõi Sắc, Vô Sắc mạnh nên nương nhau, Vô Sắc vì sao mà mạnh, là gạn hỏi lý do cõi Vô Sắc mạnh, luận chép: Hai thứ này của cõi kia cho đến năng hàng phục sắc tướng, là đúng: Do nhân mạnh, do định mạnh nên hai cõi mạnh. Luận chép: Thế thì lại đồng cõi Dục cho đến chỉ nương lẫn nhau, là giải thích hai cửa. Nạn đồng tâm nối tiếp nghĩa là giống câu gạn hỏi ở trước, nên trước nạn rằng như vậy đối với tâm đẳng kia nối tiếp y thẳng định, dùng biệt y làm gì, đó là mối liên quan thứ nhất.

Mối tương quan thứ hai ở cõi Vô Sắc pháp tâm, tâm sở từ thẳng

định sinh, lẽ ra pháp tâm, tâm sở làm nương tựa lẫn nhau, cần gì phải nương mạng căn, chúng đồng phần. Theo ý của Luận Chánh Lý chỉ có sáu căn năng làm sở y, ngoài ra chẳng phải sở y, chỉ câu sinh y do sáu thức này, dùng bốn uẩn tròng cõi Dục, cõi Sắc mà câu sinh y tánh, cõi Vô Sắc ý thức không còn nương sắc, nương câu sinh kia chỉ chung ba uẩn. Nếu vậy vì sao chỉ nói tâm Vô Sắc đẳng y đồng phần và mạng căn, vì đây nói định đồng không nương tựa lẫn lộn, đó là tâm, tâm sở mặc dù làm chỗ nương tựa lẫn nhau, mà chẳng chắc chắn là đồng, không tự nương cho nên cũng chẳng phải vô loạn, ở đây địa sinh loạn khởi tâm, tâm sở của tự tha, đồng phần và mạng tâm v.v... đồng y. Lại địa này chỉ sinh địa này, y theo đây lập khởi khác nhau địa tâm, do đó lại khiến tự địa tâm khởi, chỉ y hai địa này gọi là địa này sanh, vì khéo dẫn nghiệp sinh, không đứt quãng, y theo văn này chứng minh mạng căn tức là dẫn nghiệp quả, do đó nói đồng không nương tựa lẫn lộn, tâm đẳng không như vậy nên lược qua không nói. Nếu không có hai thứ này thì khi bốn uẩn của địa khác hiện tiền, bấy giờ hữu tình lẽ ra gọi là địa khác, cho đến như cõi Dục, cõi Sắc thân đồng phần, mạng là tâm đẳng y, tuy có lúc khác địa tâm khởi mà y thân đẳng, trong đây sinh hậu định sẽ dẫn dắt tâm tự, tha khởi, như vậy Vô Sắc tuy không có thân, tâm đẳng định y đồng phần và mạng căn, nên bài tụng chỉ nói đồng phần mạng căn, vì đây dắt dẫn lôi nghiệp dị thực. Vì thế sư kinh bộ cho đến không y sắc chuyển. Luận chủ nêu tông Kinh bộ ý tông ấy cho rằng nếu ở trong nhân không nhằm chán sắc, chiêu cảm tâm quả, sinh chung với sắc y sắc, mà chuyển. Nếu trong nhân nhằm chán sắc, tâm đẳng trong quả không chung với sắc, chẳng nương sắc chuyển, Chánh Lý phá rằng: Ở đây cũng phí lý, hoặc sức dẫn nhân, khiến cho tâm v.v... kia chuyển biến nối tiếp, tâm thiện và nhiễm hiện hiện ra trước vị, tâm v.v... nối tiếp lẽ ra không có sở y. Lại như hữu tình ở cõi Dục, cõi Sắc vì năng lực dẫn nhân tâm đẳng nối tiếp câu sinh với sắc y sắc mà chuyển. Như vậy hữu tình ở cõi Vô Sắc cho năng lực của nhân dẫn nên tâm v.v... nối tiếp, cùng chúng đồng phần mạng căn sanh chung, không nương vào sắc, chỉ nương đồng phần, mạng căn mà chuyển, đã chấp nhận tâm hữu tình v.v... ở cõi Dục sắc, chẳng y định sắc thân, không có nghĩa chuyển. Vì sao tâm hữu tình v.v... ở cõi Vô Sắc đều không có sở y mà có nghĩa chuyển. luận chép: Thế nào gọi là ba cõi như cõi Dục v.v... dưới đây là giải thích tên ba cõi, đây là hỏi. Luận chép: Năng trì tự tướng cho đến như trước đã giải thích, là đáp. Đáp có hai cách giải thích, là nghĩa của giới và nghĩa của cõi Dục v.v... cõi Sắc và cõi Vô Sắc, có hai giải thích

lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Thuộc côi Dục cho đến thuộc giới chí như vòng kim cương: Là giải thích tên côi Dục, côi Sắc, như trong ống uống có hạt tiêu hạt tiêu thuộc về thức ăn, như trên vòng có kim cương, kim cương thuộc về vòng. Do đó thức ăn gọi là hồ tiêu, vòng gọi là kim cương luận chép: Ở trong giới kia cho đến côi Dục dụ như trước nói. Là giải thích côi Vô Sắc như đã giải thích Vô Sắc trước sau là côi Vô Sắc, sắc có hai thứ một là biến ngại, có cả mười một sắc, hai là thị hiện, đó là sắc xứ sắc, Vô Sắc bốn uẩn, chẳng phải hai nên gọi là Vô Sắc, không phải chỉ dụng Vô Sắc làm thể, nếu dụng sắc vô làm thể thì không có vật khác, hoặc hư không này chẳng phải bốn uẩn, văn còn lại rất dễ hiểu.

9. Nói về côi Dục:

Luận chép: Lại côi Dục cho đến nên biết cũng vậy. Một là giải thích côi Dục, dục là cái được giữ gìn, côi là cái hay giữ gìn, giới nghĩa là giữ gìn, tức năm uẩn côi Dục năng giữ gìn dục, gọi là côi Dục, hai côi còn lại cũng vậy, tức là bốn uẩn, năm uẩn, là nghĩa côi Dục v.v... có người dường như không hiểu ý. Luận chép: Trong đây, dục là pháp gì là hỏi thể của dục, Luận chép: Lược nói đoàn thực, dâm dẫn đến tham là đáp thể của dục, y theo đây thì, sắc, tham côi Vô Sắc gọi là sắc, Vô Sắc. Luận chép: Như bài tụng trong kinh nói cho đến đã trừ dục, dẫn kinh để chứng minh, bài tụng này là Xá-lợi-tử đối với ngoại đạo nói chấp của ngoại đạo dục là cảnh bên ngoài, theo Phật Pháp nói dục tức là tham. Câu thứ nhất chẳng phải ngoại đạo lập, câu thứ hai nói về tự tông, hai câu sau giải thích chẳng phải nhân của cảnh.

Luận chép: Vì ngoại đạo tà mạng cho đến tâm tư, ngoại đạo này vặn hỏi Ngài Xá-lợi-tử, hai câu trước nhắc lại tông, hai câu sau phá chấp. Luận chép: Lúc ấy ngài Xá-lợi-tử cho đến diệu sắc, là Xá-lợi-tử chất vấn lại ngoại đạo, hai câu trước là nhắc lại chấp, hai câu sau phá chấp. Luận chép: Hỏi nếu pháp đối với kia cho đến có thuộc ba côi không? Luận chép: Không, vì sao? Vì trong đó tùy tăng cho đến là ràng buộc ba côi, các pháp vô lậu tuy hiện hành ba côi, nhưng chẳng ràng buộc ba côi, vì không tùy tăng, luận chép: Trong đây pháp nào gọi là tham ở ba côi là hỏi, luận chép: Đó là các tùy tăng trong ba côi, là đáp. Luận chép: Nay đã nói cho đến đều mà cho không hiểu, là hỏi. Ở trước ba côi thuộc pháp gì? Đáp rằng: Trong đó ba côi tham thuộc tùy tăng, lại hỏi pháp gì gọi là ba côi tham, đáp rằng: Trong ba côi đều tùy tăng, với hai câu trả lời đều không hiểu, do đó nói đồng như buộc ngựa. Là đáp: Luận chép: Nay nói cho đến phải biết cũng như thế, là đáp nay không đây đáp khác nhau như cột ngựa, là đáp, nghĩa là trước nói hữu

tình trong các đường ở cõi Dục chưa lìa tham, tất cả tham trong thân gọi là dục tham, tùy tầng này gọi là lệ thuộc cõi Dục.

10. Nói về cõi Sắc cõi Vô Sắc:

Mười tám xứ cõi Sắc, bốn xứ cõi Vô Sắc, tất cả tham của hữu tình gọi là sắc, Vô Sắc, phải biết cũng như vậy. Luận chép: Hoặc bất định địa cho đến gọi là lệ thuộc cõi Vô Sắc, thứ hai là giải thích lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Trong tâm là dục hóa vì sao khởi tham, là hỏi hoặc dục tham hệ gọi là cõi Dục, cõi Dục hóa tâm lìa dục mới chứng đắc, nếu khởi dục tham lại tạo hóa tâm, vì sao hóa tâm là cõi Dục. Luận chép: Vì điều nghe từ người khác cho đến sinh, tham ái, là đáp, bản thân mặc dù chưa đắc, theo người khác nghe sinh tâm tham, hoặc bản thân đã đắc mà lui sụt khởi tham dục, hoặc quán tha hóa khởi tâm tham, luận chép: Nếu tâm năng hóa cho đến tạo tác hương vị, phân biệt dục, cõi Sắc hóa tâm khác nhau. Luận chép: Như vậy ba cõi chỉ có một chẳng? Sau đây là những lời hỏi đáp, một nhiều giới v.v... câu thứ nhất hỏi một, nhiều, câu thứ hai hỏi về bàng thụ.

Luận chép: Ba cõi vô biên cho đến giống như hư không, thế giới phải nói an trụ như thế nào, ở đây câu thứ hai nói về bàng thụ, phải nói bàng thụ cho đến không nói thượng hạ, có thuyết nói chỉ có bàng trụ, do kinh nói, luận chép: Có thuyết cũng nói cho đến hữu sắc rất ráo, là thuyết thứ hai. Kinh v.v... trong Pháp Mật bộ cũng nói có mười phương, luận chép: Nếu có lìa một cho đến nên biết cũng vậy, đây là nói giống nhau về lìa nhiễm. Luận chép: Y sơ thiên cho đến nên biết cũng như vậy, là nói về năm thông chỉ đắc vãng cho đến tự sở sinh giới tu định xứ, không được đến tha giới khác. Đã nói ba cõi năm đường là sao, một bài tụng sau là thứ hai nói về năm đường, luận chép: Cho đến đây gọi là năm đường, là nói trong ba cõi có năm đường. Luận chép: Chỉ trong cõi Dục cho đến một phần tầng trời, ở đây nói ba cõi năm đường thể không giống nhau, luận chép: Là có ba cõi cho đến nói có năm đường, là hỏi. Luận chép: Hữu nghĩa là thiện nhiễm cho đến vô phú vô ký, là đáp, nghĩa đó là bốn pháp thiện nhiễm, ngoại khí, trung hữu thuộc về ba cõi chẳng phải năm đường. Theo Luận Chánh Lý thì thiện, nhiễm, vô ký, hữu tình, vô tình và trung hữu đều là giới tánh, còn thể của đường chỉ vô phú thuộc vô ký, vì chỉ có dị thực sinh là thể của đường. Do ở đây giải thích đường, nhưng sinh trong hữu tình vô tình không có dị thực (dị thực sinh là chọn tất cả vô tình và trừ dị thực sinh từ các pháp khác trong hữu tình. trung hữu tuy là pháp dị thực sinh nhưng không phải năm đường vì không phải đường). Luận chép: Hoặc dị ở đây cho đến thể. Chẳng

phải trung hữu, là giải thích ngược lại. Nếu chỉ là vô phú vô ký tức là đường xen lẫn, trong một đường vì được có nghiệp năm, phiền não, là nói đường chẳng thuộc thiện, nhiễm. Năm đường chỉ là số hữu tình v.v... như văn luận rất dễ hiểu, trong Thi Thiết Túc Luận cho đến trung hữu khác đường, dẫn Thánh giáo chứng minh trung hữu chẳng phải đường lời văn rất dễ hiểu.

11. Nói về khế kinh:

Luận chép: Thế nào là Khế kinh, Luận chép: Đó là kinh thất Hữu cho đến các đường khác, là đáp, đã là kinh thất Hữu, ngoài năm đường nói riêng trung hữu nên biết trung hữu chẳng thuộc đường chỉ thuộc tánh vô phú vô ký lý ấy cực thành, phân biệt nghiệp có nhân khác các đường, nghiệp đã có cả thiện, nhiễm chẳng thuộc về đường, nên biết chỉ là vô phú vô ký. Luận chép: Nước Ca-thấp-di-la cho đến vô phú vô ký, lại dẫn kinh chứng minh vô phú vô ký, đây kinh hữu bộ tụng nên nói Bà-sa luận tụng, kinh đã nói dị thực khởi rồi gọi là Na-lạc-ca. Cho nên biết thể của đường tức là tánh dị thực vô ký. Trong Nại-lạc-ca là tên gọi địa ngục, Na-lạc-ca là tên gọi chỗ hữu tình ở, từ siểm sinh nghiệp gọi là khúc từ sân sinh nghiệp gọi là uest, từ tham sinh nghiệp gọi là trước.

Luận chép: Nếu như vậy cho đến chỗ tùy tăng là dẫn văn gạn hỏi, hoặc đường dung dị thực vô ký tức hợp chỉ là tu đạo phiền não, và là tất cả tùy tăng của biến hành tùy miên. Vì sao Phẩm Loại tức nói chỗ tùy tăng của tất cả tùy miên, cho nên biết chẳng phải chỉ dị thực vô, ký nhưng tu dứt có cả nhiễm ô, nói năm đường cho đến gọi chung thôn lạc, là hữu bộ giải thích. Kia nói năm đường, tục sinh trong tâm có năm bộ. Tất cả phiền não đó là kiết sinh tâm thông cả ba mươi sáu, ba mươi mốt v.v... tức kết sinh tâm năm bộ tùy tăng của tùy miên, giả nói kết sinh dùng làm thú, như bên thôn xóm giả gọi là thôn xóm.

12. Sư Đại chúng bộ giải thích văn kinh:

Luận chép: Có thuyết nói thể của đường cũng có cả thiện nhiễm, đây là nói về chấp của Đại chúng bộ, luận chép: Nhưng kinh thất hữu cho đến nên nói riêng. Sư Đại chúng bộ giải thích văn kinh. Hữu Bộ dẫn chung nhiều kinh để chứng minh, ở đây có cả kinh Thất Hữu, kiến và phiền não khác nhau gọi là trước, nhưng kiến thuộc phiền não, đường và nhân của đường mặc dù nói riêng là hữu, nhưng đầu bỏ đường và nhân của đường gọi chung là đường, cho nên nói chẳng dùng cái riêng nói định chứng chẳng phải đường. Luận chép: Nếu vậy, trung hữu lẽ ra cũng là đường, là Hữu bộ gạn hỏi Đại chúng bộ, bầy hữu nói riêng là nghiệp, nghiệp cũng thuộc về đường, bầy hữu khác nhau trung hữu,

trung hữu lẽ ra thuộc đường. Luận chép: Không như vậy thì nghĩa đường cho đến thì ngay nơi tử là sinh, là Đại chúng bộ gạn hỏi chung. Nói riêng nghiệp có hay không trái với nghĩa đường nên thuộc đường, nói riêng trung hữu trái với đường nên không gọi là đường. Nếu như vậy Vô Sắc cho đến mà thọ sinh, là nạn trung hữu chỗ chết là sinh, chẳng phải chỗ đến nên không gọi đường, chỗ Vô Sắc tử sinh, nên chẳng phải là đường. Luận chép: Đã như vậy trung hữu cho đến gọi là trung hữu, là đại chúng bị vặn hỏi chuyển giải thích, trung hữu do ở trong hai đường nên không gọi là như trên là giải thích kinh thứ nhất.

Luận Chánh Lý chép: Nhưng Kinh chủ nói chẳng phải nói riêng cho nên chắc chắn không thuộc về kia, như trong năm trước phiền não và kiến chỉ gọi là trước, chẳng phải nói riêng. Cho nên kiến kia chắc chắn không thuộc về phiền não. Nghiệp hữu như thế mặc dù cũng là đường nhưng vì nói lên nhân của đường, cho nên nói riêng, do đó có thuyết nói thể của đường gồm cả thiện nhiễm, kia nói phi lý, vì (không có chỗ nào nói. Có chỗ nói, kiến cũng là phiền não, tuy có sở nhân nói riêng là trước, mà y theo thuyết khác biết là phiền não, không hề có chỗ nào nói nghiệp nhân các đường là thể của đường, có thể là thật sự chứng minh. Tuy sở nhân của hữu phân biệt nói là hữu mà y theo kia biết nghiệp là đường, nhưng làm sao biết chắc nghiệp là thể của đường, sở nhân của hữu, nên trong hữu phân biệt nói mà chẳng phải nghiệp hữu thể chẳng phải là đường, vì hiển rõ nhân của đường nói là nghiệp hữu, nên dẫn thí dụ để chứng minh không có công năng. Lại chép: Nghiệp hoặc thể của đường lẽ ra lẫn lộn, vì trong một đường có nhiều nghiệp đường, hoặc nghiệp nhân của đường tức là đường, nhân hữu, địa ngục nghiệp, hoặc hiện tiền, kia lẽ ra là đường, cũng là địa ngục, cũng không nên nói địa ngục. Thể của đường tuy hiện ra trước mà chẳng phải địa ngục, như vậy thì có lỗi lớn, đó là quả dị thực hiện đang có mặt, vì lẽ ra chẳng phải địa ngục không có khác nhau. Nhưng Khế kinh nói dị thực đã khởi gọi Na-lạc-ca, nên nghiệp chẳng phải đường. Luận chép: Nhưng Tôn-giả ấy cho đến nên nói như thế, là giải thích chung kinh thứ hai. Kinh nói dị thực đã khởi là địa ngục, ở đây nói dị thực đã khởi trong thân thiện, nhiễm, vô ký lúc đó đều gọi là địa ngục, chẳng nói chỉ có dị thực gọi là địa ngục, trừ năm uẩn. Na-lạc-ca chẳng được, không nói trừ pháp dị thực năm uẩn. Na-lạc-ca kia không thật có. Ở đây nói chung thiện, nhiễm, vô ký ngoài pháp năm uẩn, có công năng riêng đến các đường, thật ngã Bồ-đặc-già-la không thật có, chẳng ngăn dứt các uẩn ngoài pháp dị thực nên nói như thế. Đối với trung hữu rộng phá, lược

qua không nói. Ý Luận Chánh Lý bác bỏ, nếu đường chẳng phải dị thực vô ký, thì đâu cần nói, dị thực đã khởi mới gọi là địa ngục, trước khi dị thực khởi cũng có nghiệp địa ngục vì sao không gọi là địa ngục, cho nên biết chỉ là dị thực vô ký. Luận chép: Sư Tỳ-bà-sa cho đến vô phú vô ký là kết quy về Tông hữu bộ, luận chép: Có thuyết một bề cho đến cũng có cả nuôi lớn, là nói về thuyết khác, trong ba thuyết này thuyết thứ hai là đúng.

13. Giải thích riêng tên mỗi đường:

Luận Chánh Lý chép chỉ có dị thực sinh nên không có lỗi, hoặc có cả nuôi lớn thân ở cõi Dục tu đắc thiên nhân là tánh nuôi lớn, đường lẽ ra lẫn lộn. Như vậy đã giải thích thể của các đường, kể là giải thích riêng từng tên của mỗi đường. Na-lạc gọi là người, Ca là ác, nhiều người làm ác đọa vào trong đó vì vậy gọi là đường Na-lạc-ca. Nói bàng sinh trong đường đó, phần nhiều thân đi ngang, hoặc trong đường kia chấp nhận có một ít phần đi một bên (đi nghiêng một bên) v.v... có nhiều giải thích, nói ngạ quỷ phần nhiều mong cầu để tự sống còn và giúp người v.v... có nhiều cách giải thích, nghĩa là hoặc nhiều suy nghĩ nên gọi là người v.v... có nhiều giải thích. Thiên là vị sư tôn cao, thần dụng tự tại, được mọi người cầu khẩn nên gọi là Trời, A-tố-lạc thuộc đường quỷ. Trời Đế Thích vốn là trời: Là lời đua nịnh, hoặc cho rằng chiến đấu với trời nên cũng gọi là trời, vua Mạn-đà-đa phá A-tố-lạc và chiến đấu với trời lẽ ra cũng là trời, nếu cho là giao thông với trời gọi là trời thì Đại Thọ Khẩn-na-la vương có cô con gái rất xinh đẹp tên là Đạt Ý, Bồ-tát Thiện Tài cưới làm vợ. Vua Khẩn-na-la lẽ ra cũng là người, oai đức tốt đẹp nên gọi là trời, cũng chẳng phải chứng nhân, vì có nghe vua Mạn-đà-đa oai đức vượt hơn trời Nan-đà, Bạt-nan-đà v.v... tuy là bàng sinh vì oai đức tự tại hơn các vị trời, A-tố-lạc dù thuộc đường quỷ nhưng chẳng phải đường thứ sáu, chưa hề thấy có kinh nào nói. Có thuyết cho rằng các đường thể xen lẫn nhau vì khác đường làm nhân cho nhau mà sinh con như thân cá, nai, vị tiên, truyện thuở xưa nghe rất nhiều loại đó, một thân hai đường nên có xen lẫn. Theo Chánh Lý thì kia nói không đúng, tự đường nghiệp chắc chắn sinh duyên kia có nhiều loại, như cô gái Yêm-la nhờ cây mà sinh, Kiều-đáp-ma tông nhờ ánh sáng mặt trời mà phát khởi, cho nên làm nhân cho nhau có chẳng phải chứng minh tạp nhân. Nai, vị tiên nhân thân cá v.v... do mãn nghiệp khác hình tướng không giống nhau, thật ra là người nên đường không xen lẫn, từ cảm ứng mà đến nhân quả khác nhau, trong tư trạch nghiệp sẽ phân biệt rộng.

14. Nói về bảy thức trụ:

Luận chép: Trong ba cõi cho đến số bảy đó là gì? Dưới đây là thứ ba một bài tụng rưỡi nói về bảy thức trụ, luận chép cho đến thứ nhất trụ, là nói lược về thức trụ. Trời, người cõi Dục, ba thiên cõi Sắc, ba thức thiên cõi Vô Sắc, bảy sinh xứ này thể của thức trụ, nay theo kinh giải thích nên chia thành bảy. Trên đây văn luận dẫn kinh chỉ xứ, luận chép: Một phần trời cho đến trừ kiếp mới khởi, cõi người hoàn toàn nên không cần giải thích riêng, một phần trời nói sự khó rõ ràng nên phải giải thích riêng, trong sơ thiên trừ kiếp sơ do kia đồng khởi tướng giới thủ. Luận chép: thân di cho đến gọi là thân khác: Là giải thích thân khác, các thứ hiển bày tướng mạo: Dáng mạo xanh, vàng v.v... khác nhau nhiều thứ hình dáng tướng mạo như dài ngắn khác nhau, hoặc do thân khác tức là chỉ riêng sắc thân, hoặc có dị thân là nêu chung giả lập. Luận chép: Tướng dị cho đến gọi là tướng dị: Là giải thích tướng dị, trời, người cõi Dục ba thọ lẫn nhau khởi gọi là tướng dị, trong sơ thiên trừ thọ khổ, do tướng dị chỉ riêng tướng tâm, hoặc có dị tướng nêu chung giả lập, văn kết rất dễ hiểu. Luận chép: Hữu sắc hữu tình cho đến thức trụ thứ hai, là dẫn văn kinh, luận chép: Vì sao cho đến gọi là tướng nhất, là giải thích ý kinh, do Sơ thiên đồng tướng một nhân gọi là tướng nhất. Không nói trời Phạm Phạm, nêu trước rõ cái sau. Luận Chánh Lý chép: Vì sao phạm chúng đồng sinh tướng này? Vì thấy xứ sở, hình sắc, thân thông v.v... của Phạm Vương đều cao quý, lại xem Đại phạm thời trước đã có, mình và các vị trời sau mới sinh, họ không thể thấy từ thượng địa mất, y sơ thiên phát túc trụ thông, không thể biết rõ cảnh địa trên.

Vì sao Đại Phạm cũng sinh tướng này, vì họ vừa phát tâm chúng liền sinh, đó là mình hóa ra chẳng mau chóng bị chôn vùi, hoặc nghiệp quả ngu si cảm lý hoặc thấy hình dáng, thế lực, tuổi thọ oai đức nhiều lỗi của thân mình. Do duyên này thân Phạm chúng, Phạm Vương tuy có khác nhau nhưng sinh một tướng. Luận chép: Thân Đại phạm vương cho đến nên gọi là thân dị, giải thích thân khác, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Kinh nói Phạm Chúng cho đến trong đồng phần kia là, dẫn kinh làm chứng tướng là một. Do đó chứng minh biết được ngã nhân Phạm Vương, Phạm Vương cũng nói là mình sinh ra Phạm chúng, luận chép: Phạm chúng ở đâu từng thấy Phạm Vương. Sở dĩ có câu hỏi này vì tiến lùi có lỗi, có các luận sư khác nói cho đến sanh đến đây: Là nói trình bày cách giải thích thứ nhất, ý Luận sư cho rằng lúc kiếp mới thành Phạm chúng từ thiên thứ hai sinh đến chỗ Phạm Chúng, nên biết tại Cực Quang Tịnh có thấy Phạm Vương, đúng lý nên nói Tam thiên

trong định thứ hai đều được, mà nói cực Quang Tịnh, nên sau bày trước. Luận chép: Vì sao lúc này khởi cho đến giới cấm thủ, đây là cách giải thích của các luận sư tiến lùi có lỗi, tại trời Phạm Chúng hoặc chưa lìa sơ định nhiệm chưa đắc định thứ hai thì không nhớ việc ở định thứ hai. Hoặc nhờ lìa sơ nhiệm ban đầu đắc định thứ hai, thì, không được duyên với sơ định Phạm Vương khởi giới cấm thủ, luận chép: Các luận sư khác nói trụ trong trung hữu là nêu giải thích thứ hai, ý luận sư này nói từ định thứ hai lúc chết sinh sơ định trong trung hữu có thấy Phạm vương tuổi thọ lâu dài. Luận chép: Kia trụ trong hữu cho đến trường thọ lâu dài, phá giải thích thứ hai, trung hữu cõi Sắc đối với chỗ thọ sinh không có chướng ngại, không trụ nhiều thời gian làm sao thấy được Phạm Vương tuổi thọ lâu dài.

15. Luận chủ nói về giải thích đúng:

Luận chép: Cho nên Phạm Chúng khi khởi niệm này, là Luận chủ nói về giải thích đúng. Theo Luận Chánh Lý thì các Phạm Chúng lúc mới hạ sinh thấy ánh sáng oai thần đở rục của Đại Phạm Vương, tuy hết lòng kính mến muốn đến gần gũi, nhưng bị oai thần ép ngặt không bao lâu bền đến trước ở đây dần dà khiến mất nhiều thời gian, sau khích lệ chuyên chú thành thật gần gũi chiêm ngưỡng, đến rồi đều khởi tâm suy nghĩ chúng ta từng thấy cho đến nói rộng đó là lúc họ cần thấy Đại Phạm Vương, liền nhớ biết lại việc trước kia, lại có thể hiểu rõ chúng hạ sinh xưa kia chỉ có Phạm Vương và tâm sở nguyện, hoặc trước đó họ ở tầng trời Cực Quang Tịnh có thấy Phạm Vương nay gặp có thể nhớ lại, nghĩa là thuở xưa họ ở tầng trời cực Quang Tịnh có thấy Phạm Vương ở riêng địa dưới cũng biết tâm nguyện và chúng đồng cư, phát tâm thương xót liền khởi hóa sơ thiên mà cho hóa chúng gần gũi Phạm Vương. Khởi hóa trong giây lát tự nhiên phước hết, qua đời sinh xuống cõi Sơ thiên, thân tâm và việc sở hóa của Đại Phạm đều có cả tuệ sở duyên ở sơ thiên, nay thấy liền phát túc trụ tùy niệm. Cho nên Phạm chúng kia nghĩ rằng chúng ta đã có thấy, cho đến nói rộng.

Có thuyết của Luận sư khác cho rằng năng duyên khởi trong nhị thiên, nhân thức Phạm thế là pháp thuộc địa sơ thiên, nên nay cũng có thể tùy niệm biết được việc đó, có thuyết cho rằng trời Phạm chúng kia không thọ xử thai, dứt khổ Mạt-ma do đó đắc hữu niệm, không quên mất, vì vậy nhớ lại các việc đã thấy đời trước.

Luận chép: Hữu sắc hữu tình cho đến thức trụ thứ ba là nhắc lại văn kinh, luận chép: Trong đây nêu hậu chí thuộc thức trụ nào? Là Giải thích ý kinh. Luận chép: Tầng trời kia hiển bày hình, nên gọi tướng dị

là giải thích cách đặt tên, luận chép: Truyền thuyết về trời đó lại thọ dục lạc giải thích rộng tướng dị, đã nói truyền thuyết rõ ràng chẳng phải tự ý. Luận chép: Chẳng lẽ tịnh tướng không khắp cũng nên như vậy: Chẳng lẽ không phải tam thiên, cũng nhằm chán căn bản lạc thọ nhập cận phần xả lẽ ra cũng đồng với tướng khác, vì sao chỉ thủ chứng định thứ hai. Luận chép: Vì chẳng phải trời biến tịnh cho đến nhiều động tâm: là đáp. Luận chép: Nói cho đến kinh bộ sư được gọi là tướng dị, là trình bày chấp của sư kinh bộ. Theo luận Chánh Lý thì tầng trời đó không có biểu nghiệp v.v... làm nhân, chiêu cảm thân hình khác nhau nên nói thân đồng, tức hình tướng, hiển tướng v.v... đồng xứ, chư thiên không có nghĩa khác nhau. Luận chép: Hữu sắc hữu tình cho đến nên gọi là tướng đồng nhất, giải thích thức trụ thứ tư, thân là một như trước, tướng đồng nhất nghĩa là chỉ có tướng thọ lạc. Trong Sơ thiên cho đến nói là tướng đồng nhất, ở đây giải thích các địa tướng không giống nhau, trong sơ thiên gọi tướng đồng giới cấm thủ nói là nhiễm ô, nhị thiên là định tâm, nên gọi là thiện tướng. Trong định thứ ba thọ vui dị thực, không nhằm xả gọi là tướng đồng nhất, vô ký tướng.

16. Giải thích ba thức trụ sau:

Luận chép: Ba Vô Sắc cõi dưới cho đến gọi là kinh bảy chỉ là giải thích ba thức trụ sau, tức là không vô biên xứ có năm, thức vô biên xứ có sáu, vô sở hữu xứ có bảy, đó gọi là bảy, kết bảy thức trụ. Luận chép: Trong đây pháp gì gọi là Thức trụ, pháp sở trụ đó là pháp lệ thuộc, gọi là thức trụ, đáp là pháp sở trụ, nghĩa là cõi Dục, cõi Sắc ràng buộc, năm uẩn là sở trụ. Trong ba Vô Sắc, bốn uẩn là thức trụ. Trong đây nói thức đối với xứ tướng, lạc trụ nên gồm cả thức, như bốn thức trụ chỉ có bốn uẩn. Luận chép: Tại sao cái khác chẳng phải thức trụ là? Hỏi: Đường ác Tứ thiên, vì sao chẳng phải thức trụ? Luận chép: Vì các xứ khác đều có tổn hoại thức pháp, là đáp, chỗ khác là sao? Là hỏi chỗ khác. Luận chép: Đó là các chỗ ác cho đến Hữu Đảnh, là đáp. Luận chép: Vì sao gạn hỏi chẳng phải lý do, vì xứ đó hữu cho đến nên chẳng phải thức trụ, là đáp lý do chẳng phải thức trụ.

17. Nói về giải thích khác:

Luận chép: Thế nào gọi là tổn hại thức pháp? Là Hỏi: Hoại pháp, là các ác xứ cho đến chẳng phải thức trụ, lại nói hoặc xứ chẳng phải thức trụ, đáp là hoại pháp. Luận chép: Lại nói nếu ở cho đến nên chẳng phải thức trụ, là nói về giải thích khác, y theo văn luận này chẳng lẽ có thể là tứ thiên tam thiên di sinh đều kính mến Vô Tướng dị thực xứ? Lẽ ra không phải là nghĩa đúng. Theo luận Chánh Lý có luận sư khác

nói chúng sinh có ba sở đó là lạc trước các cảnh, lạc, tưởng. Lạc trước cảnh, nhân và dục thiên, ưa đắm trước dục lạc, ba cõi thiên sau lạc trước tưởng, ba Vô Sắc sau chỉ y theo xứ này đặt tên thức trụ, ngoài ra không có ba thứ này nên chẳng phải thức trụ. Luận sư nhiều đời truyền thừa nhau, hoặc xứ có đủ kiến, tu thì dứt và không đoạn thức đặt tên thức trụ, khác với đây không thuộc thức, chẳng lẽ không phải người cõi Dục và sáu tầng trời cõi Dục không có vô lậu thức trụ, chẳng lẽ không phải thức trụ. Nếu nói năng tác vô lậu sở y thì trời Hữu Đảnh nên gọi là Thức trụ, nạn này phi lý, cõi Dục không nhất định để y theo sở y nói có vô lậu, nhưng trời Hữu Đảnh thuộc định địa, lẽ ra y theo tự tánh nói kia có hay không, vì là tự tánh vô nên chẳng phải thức trụ, hoặc chẳng phải hữu đảnh Bồ-đặc-già-la đều có đủ ba thức trong sở y. Thiện xứ Bồ-đặc-già-la ở cõi Dục trong một sở y dung nạp ba thức, vì vậy không nên lấy Hữu đảnh làm thí dụ. Tứ thiên tuy có ba thức, mà năm xứ hoàn toàn, một phần nhỏ của một xứ không có ba thức nên lấy ít từ nhiều không lập thức trụ, do đó thức trụ thường chỉ có bảy. (Nói ba thức là: Thấy dứt, tu dứt và thức vô lậu, tất cả bậc Thánh ở Phi tưởng không có thức thấy dứt, tất cả dị sinh không có thức vô lậu). Trong cõi Dục có thể có một người trước có kiến tu, sau có thức vô lậu ở Sơ nhĩ. Năm xứ toàn nghĩa là năm Tịnh Cư, một phần nhỏ là trời Quảng Quả, không có thức vô lậu trong trời Vô Tưởng vì có đủ ba thức trong trời Quảng Quả, chỉ có hai cõi dưới có đủ ba thức, vì trong sáu tầng trời trên không đủ ba thức nên nói dùng ít từ nhiều không gọi là Thức trụ.

18. Nói về chín hữu tình cư

Luận chép: Nói rộng như vậy cho đến chín là gì? Một bài tụng sau là nói về chín hữu tình cư, chín loại hữu tình cư chẳng phải kinh nói, nhân trong khi giải thích nói bảy thức trụ nên tiện giải thích. Luận chép cho đến bất lạc trụ, giải thích hữu tình cư tức bảy thức trụ thêm trời phi tưởng và Vô tưởng thành chín, cho nên chín loại này đặt tên hữu tình cư vì là lạc trụ. Trong thức trụ ở đoạn trước do có hoại thức pháp, vì thức mờ tối nên chẳng phải thức trụ, các xứ không có lạc chẳng phải hữu tình cư. Hỏi: Hữu tình cư và thức trụ năm uẩn: Hai uẩn sắc và hành có ngoại khí hay chăng? Đáp: Luận Chánh Lý chép: đó là các hữu tình tự ưa thích an trụ sắc sở y v.v... là vật thật chẳng phải thứ khác, do các hữu tình là giả có, nhưng vì các vật thật là mượn chỗ ở, hữu tình cư chỉ có pháp hữu tình, do hữu tình loại đối với các y thân ái trụ tăng mạnh, chẳng phải nơi chốn, lại nơi chốn lập hữu tình cư, lẽ ra thành lẫn lộn, cư không lẫn lộn, chỉ có nội thân. Cho nên hữu tình cư chỉ có pháp hữu tình, đã nói sinh

rồi gọi hữu tình cư, biết hữu tình cư không thuộc trung hữu, các trung hữu chẳng phải chỗ ở lâu dài, nên các hữu tình không thích an trụ, chắc chắn là như vậy, do luận này nói vì nguyên sinh xứ đặt tên hữu tình cư ở trong sinh tử vì nói lên các thức do ái trụ trước lập ra thức trụ, nói lên các hữu tình đối với tự y chỉ, ưa thích an trụ lập hữu tình cư. Do đó lập ra hai môn khác nhau nay.

19. Giải thích:

Luận chép: Các xứ khác cho đến như trong thức trụ là giải thích định thứ tư và các đường ác chẳng phải hữu tình cư, đã giải thích như trước. Luận chép: Kinh ở trước dẫn cho đến bốn thức là gì? Một bài tụng sau thứ năm là nói bốn thức trụ, luận chép cho đến thế kia là sao? Thể tánh của thức trụ luận chép: Tùy thứ lớp hữu lậu bốn uẩn, là đáp y theo hữu lậu, vô lậu, chỉ hữu lậu mà thế, trong năm uẩn chỉ có bốn uẩn.

Luận chép: Ở đây chỉ cho đến y theo kia: Đây là nói trong địa tự tha chỉ có tự địa, theo Luận Chánh Lý trong tự địa chỉ có số hữu tình. Chỉ tự tướng nối tiếp đặt tên thức trụ chẳng phải phi tình số, trong tha nối tiếp, thức theo lạc trụ như tự nối tiếp. Luận chép: Vì sao không nói thức là thức trụ, Hỏi: chỉ có bốn gọi thức trụ, luận chép: Do lia năng trụ cho đến có thể gọi là vương tọa, đây là đáp lý do thức không phải thức trụ; Luận chép: Nếu có hữu pháp cho đến đã nói như vậy: Là giải thích thứ hai. Lời luận sư Tỳ-bà-sa nói như vậy, là chỉ cho tông. luận chép: Nếu vậy vì sao cho đến chỗ thức nương tựa: Là dẫn kinh để gạn hỏi, luận chép: Vì sao nói, cho đến năm uẩn là thế dẫn thí dụ để vặn hỏi. Luận chép: Tuy có nói cho đến nhưng chẳng phải nói riêng thức là trả lời hai câu gạn hỏi, trong thức thực có hỷ, nhiễm v.v... và bảy thức trụ đều đối với sinh xứ thuộc năm uẩn, không phân biệt chia chẻ đều sinh hỷ, nhiễm chẳng nói thức riêng.

20. Nói về bốn thức trụ:

Luận chép: Nhưng các uẩn như sắc v.v... cho đến các uẩn khác có thể nói: Là nói bốn thức trụ, y theo nói riêng, đối với mỗi uẩn sinh nhiều thứ hỷ nhiễm. Cho nên thức khác nhau bốn uẩn khác vì vậy không lập thức trụ. Luận chép: Lại Phật ý thuyết cho đến giáo ý như vậy: Thứ hai là giải thích. Luận chép: Lại pháp và thức cho đến nên chẳng phải thức trụ, nói bốn thứ pháp phải câu thời, thức và thức kia không cùng thời, cho nên chẳng phải thức trụ. Theo luận Chánh Lý thì thức và thức trụ, như hạt giống, như ruộng, lý có thể như vậy vì không trái giáo, như đã nói nếu pháp và thức có thể đồng thời sinh mà thức ruộng tốt lập thức trụ chẳng lẽ đúng lý hay sao? Vì đó trước tự nói thức sở y chấp trước

nên gọi là thức trụ, chẳng phải cùng khởi, thọ có thức sở y trong các uẩn như thọ v.v... vì kia y theo thức (thức này mà chỗ nương chẳng phải thức y xứ) thức không nương kia, vì sao nói thức trụ (hoặc dùng nghĩa sở y giải thích thức trụ thì thức không y các pháp như thọ v.v... làm sao thọ... là thức trụ được?)

Lại, chẳng phải sở duyên đồng một cảnh, vì câu sinh thọ v.v... chẳng phải sở thủ (y có hai nghĩa: 1. Nghĩa sở y: Pháp tâm sở... chẳng phải sở y, như trước đã bác bỏ. 2. Nghĩa sở duyên: Do các pháp như thọ... lại chẳng phải sở duyên như cách phá chấp trong đây, ba tướng ứng y, như cách phá sau đây). Lại không thể tương ứng y chấp trước cách giải thích y nghĩa thức trụ, vì các sắc pháp và bất tương ứng chẳng phải thức trụ (hoặc giải thích thức trụ theo nghĩa tương ứng thì tất cả sắc pháp và bất tương ứng không phải nghĩa tương ứng, lẽ ra chẳng phải thức trụ). Vì lý tương ứng không khác nhau thì lẽ ra vô lậu cũng là thể của thức trụ (hữu lậu, vô lậu pháp tâm, tâm sở tương ứng không khác nhau, vì sao hữu lập lập thể của thức trụ còn vô lậu thì không phải), làm sao có thể nói các sắc như câu sinh... là thức ruông tốt thành lập mà thức trụ, theo luận Chánh Lý tông luận sư ta giải thích như vậy vì khiến cho đối với thức trừ tâm chấp kiến, nên đối với thức không nói thức trụ nhưng trong Khế kinh nói, ta liễu đạt giáo pháp Đức Thế tôn đã nói do bị trôi lăn theo dòng sinh tử chỉ có thức chứ chẳng phải thứ gì khác, thức Đức Thế tôn gọi tên khác là ngã, vì muốn dứt trừ tâm chấp kiến nói lên thức y tha, nhưng thể nó không phải ngã, ngã sở y tánh chẳng phải năng y, cho nên môn thức trụ chỉ nói có bốn, chẳng phải thật thức trụ nhưng bốn đó chẳng phải thức. Nay cho rằng Đức Thế tôn đã nói thức trụ, sắc v.v... của thức có bốn không nói là thức, do chỉ sắc v.v... nằm trong ba thời vì kèm theo trợ giúp nối tiếp với hữu thức đó là có sắc v.v... câu sinh với thức, quá khứ, vị lai cũng có thể trợ giúp cho thức làm cho hữu thức nối tiếp trôi lăn theo sinh tử, thức thì không như vậy, cho nên chẳng phải thức trụ. Vả lại các căn như mắt căn v.v... và câu sắc v.v... câu sinh với thức mà sở y, y căn là sở y, ngoài ra là y, đã diệt chưa sinh chỉ là thức cảnh. Vì thế sắc uẩn trong ba thời gian hy vọng nối tiếp với hữu thức có thể giúp bạn, hiện tại thọ v.v... câu sinh với thức, nhân của câu hữu. Một phần đồng duyên một cảnh với thức có công dụng kèm theo, đã diệt chưa sinh đều là thức cảnh, nên thọ... cũng ở trong ba thời gian hy vọng nối tiếp có thể mà bạn trợ giúp cho thức.

Mặc dù thức ở quá khứ vị lai đối với nối tiếp có một phần nhỏ hay giúp cho hữu thức, mà trong câu sanh hoàn toàn không có trợ lực vì

không câu khởi. Sắc v.v... đối với thức có hai công năng trợ giúp, thức chỉ có quá khứ, vị lai nên chẳng phải thức trụ, do đó chẳng phải tình số và trong thân người khác. Bốn uẩn như Sắc v.v... cũng chẳng phải thức trụ, do nó hy vọng chỉ là sở duyên vì không có hai môn dụng giúp bạn, trụ nghĩa là sở trụ, lúc nối tiếp hữu thức dẫn tự quả công là nghĩa y, trụ thế sở trước là nối tiếp hữu thức dẫn tự quả thời có thể làm nghĩa cảnh, tự thân sắc v.v... có thể có cùng thức đồng một nghĩa cảnh. Nếu khác nhau cảnh nhưng có thể mà chỗ nương, vì có hai công năng trợ giúp nên lập thức trụ, chẳng phải số hữu tình, thân thân như sắc v.v... thì không như vậy nên chẳng phải thức trụ. Luận chép: Như vậy đã nói bảy thuộc bốn, là hỏi về tương nhiếp? Luận chép: Chẳng phải biến tương nhiếp đó là trừ tướng trước, dưới đây bốn trường hợp trả lời lời văn rất dễ hiểu.

21. Nói về bốn sinh:

Luận chép: Ở đoạn trước đã nói cho đến chỗ nào có gì, một bài kệ rưỡi sau là thứ sáu nói bốn sinh, luận chép: Cho đến sinh loại v.v... đây là nói lý do lập bốn loài, do sinh loại v.v... đồng gọi là nhất sinh. Theo Luận Chánh Lý, đoạn văn trước nói giới có cả tình và vô tình (đây tức giới rộng, bốn sinh hẹp) Đường chỉ có hữu tình nhưng không nhiếp khắp (trong không nhiếp thì hữu, hẹp ở sinh) sinh chỉ nhiếp khắp nên nói hữu tình, vì không phải chẳng có hữu tình gọi là chúng sinh, theo đây thì hữu tình, gọi là chúng sinh, vô tình không gọi là chúng sinh. Xưa dịch hữu tình là chúng sinh có hai tên, theo kinh Đại thừa Đồng Tánh trải đủ sáu giới nên gọi là Chúng sinh. Lại chép: Các hữu tình loại có noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh đó gọi là bốn sinh. Sinh là sinh loại trong các hữu tình tuy tạp loại khác mà sinh loại v.v... là nói sinh loại có nghĩa là Chúng sinh, theo văn luận này có nhiều sinh loại nên gọi là Chúng sinh. Nếu như vậy cõi, đường lẽ ra cũng gọi là Sinh? Là hỏi không đúng vì giới có cả hữu tình và vô tình, đường tuy là hữu tình mà chẳng khắp ở đây chỉ có hữu tình khắp độc lập nên gọi là sinh.

22. Giải thích noãn sinh:

Luận chép: Thế nào là noãn sinh, cho đến chim anh vũ, chim nhạn v.v... là giải thích noãn sinh nương trứng mà sinh (nở) gọi là noãn sinh, noãn (trứng) thì chắc chắn có thai cho nên nói trước. Luận chép: Thế nào là thai sinh cho đến lợn, dê, lừa v.v... là giải thích thai sinh, nhờ thai mà sinh ra gọi là Thai sinh. Có thai không có trứng cho nên ở trong trứng nói sau, là thai sinh thì chắc chắn có ấm thấp nên nói trước thấp sinh. Luận chép: Thế nào là thấp sinh cho đến muỗi ruồi v.v... là giải thích thấp sinh, nương nơi ấm thấp mà sinh ra gọi là thấp sinh, vì có chỗ

nương gá cho nên hóa sinh trước, do có thấp sinh không có thai sinh, nên thai sinh nói sau. Luận chép: Thế nào là hóa sinh cho đến nên gọi là hóa sinh: Là giải thích hóa sinh, không mà chợt có gọi là Hóa sinh. Đây là duyên nhỏ nhất nên nói sau. Luận chép: Đường người, bàng sinh đều có bốn thứ, y theo đường nói về sinh nhiều ít khác nhau. Luận chép: Người noãn sanh cho đến năm trăm người con: Là giải thích noãn sinh trong loài người. Trong Bà-sa quyển một trăm hai mươi chép: Về Noãn sinh trong loài người, thuở xưa ở châu này có người đi buôn ra biển bắt được một con chim anh vũ, hình sắc xinh đẹp kỳ lạ, ông ta rất vui đem về, sau đó nó đẻ ra hai trứng, nở thành hai đồng tử khôi ngô thông minh. Khi lớn lên đi xuất gia đều đắc quả A-la-hán, vị nhỏ tên Ô-bà-thế-la (Hán dịch Tiểu Sơn, Ô-ba là tiểu, Thế-la dịch là Sơn, vì sinh ra gần núi) vị lớn tên là Thế-la (chỉ đặt tên núi) Lộc mẫu vì con gọi là lộc, đặt tên theo con nên gọi là Lộc mẫu tức là phu nhân Tỳ-xá-khư, tỳ-xá-khư là tên trăng và sao, từ sao đặt tên, dịch là nuôi lớn, lộc mẫu sinh ra ba mươi hai quả trứng, trứng nở ra thành một đứa trẻ.

23. *Truyện xưa tích cũ:*

Bàn-giá-la là tên đất (địa phương) Hán dịch là chấp thổ, vương phi (vợ vua) sinh ra năm trăm quả trứng, sinh rồi hổ thẹn sợ sẽ sây ra đại họa, bèn bỏ vào một cái hộp mà quăng xuống sông Khắc-già, cái hộp mà theo dòng nước chảy đến cuối dòng sông có một vị vua ở nước láng giềng thấy chiếc hộp trôi lênh bênh trên nước, bèn sai người hầu vớt lên, khi mở nắp hòm ra thì thấy toàn là trứng. Nhà vua sai mang về triều, mấy ngày sau mỗi trứng bèn ra một đứa trẻ, và được nuôi dưỡng chu đáo. Khi lớn lên đều rất mạnh khỏe, quân địch các nước muốn đến xâm chiếm đều bị khuất phục không dám đối địch. Lúc ấy, vị vua nước láng giềng đã có mối thù với phụ vương của năm trăm đứa con kia từ lâu muốn sai năm trăm đứa con nuôi đi chinh phạt, trước bảo sứ giả sang báo tin rằng: Chúng tôi muốn quyết chiến, sau đó bên đây binh đến bao vây thành và muốn đánh phá. Vua nước Bàn-giá-la trong lòng rất lo sợ, vương phi thăm hỏi và an ủi, bà bảo cho vua biết “Bệ hạ không nên sầu não, năm trăm đứa con này đều là con của chúng ta, rồi kể lại việc đã xảy ra trước kia, nếu các con thấy mặt mẹ thì tâm ác liền dứt. Vương phi đích thân lên thành kể lại cho năm trăm người con nghe nhân duyên thuở xưa, vì sao nay lại muốn gây ra năm tội nghịch. Nếu không tin thì tất cả hãy há miệng ra, lúc ấy Vương phi mở hai nắm vú ra có năm trăm giọt sữa đều rót vào miệng năm trăm đứa con, ngay lúc đó họ đều tin phục. Nhờ vậy hai nước đều hòa bình và đôi bên đều khởi tâm từ, hai

nước giáo kết với nhau, không bao giờ có chiến tranh xảy ra nữa.

24. Nói về bốn sinh:

Luận chép: Thai sinh trong loài người như người đời nay, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Thấp sanh trong loài người cho đến am-la-vệ v.v... Mạn-đà-la, Hán dịch là Ngã dưỡng sinh ra từ mụn nhọt trên đỉnh của Vua Bồ Sát-đà nhan sắc dung mạo xinh đẹp, nhà vua đắm vào cung bảo ai có thể nuôi dưỡng, các cung đều nói tôi có thể nuôi dưỡng, cho nên lấy đó để đặt tên. Thuở xưa, dịch là Đảnh Sinh Vương từ chỗ sinh ra đó mà đặt tên, chẳng phải bốn hiệu v.v... lớn lên làm vua kim luân, đánh phá Tu-la muốn chiếm ngôi vị trời Đế-thích. Giá-Lư, Hán dịch là Bể, Ô-ba-giá-lư dịch là Tiểu bể, trên hai bấp vế của Vua Ngã Dưỡng mỗi bên mọc một mụn nhọt từ mụn sinh ra một đứa con, theo chỗ sinh ra để đặt tên, dùng Tiểu để nêu riêng cũng làm Luân vương. Nói Cáp-man, thuở xưa có một vị vua tên Tĩnh Thọ ở dưới nách nhà vua mọc một bọc và sinh ra một đứa con gọi là Cáp-nan, từ nách sinh ra như chim bồ câu vỗ cánh bay, nhà vua quý trọng như búi tóc nên lấy đó làm tên, hoặc sau khi sinh ra chim bồ câu thường theo, vua quý trọng như búi tóc lấy đó đặt tên Am-la-vệ là tên loại cây, có một người con gái sinh ra từ cây này, Am-la-vệ hoặc từ con sinh, hoặc từ hoa, từ cành sinh ra. Theo Luận Chánh Lý thì tứ sinh nhân này đều có thể đắc quả Thánh, đắc quả Thánh thì không thọ sinh ở hai loài: Noãn sinh và thấp sinh, do bậc Thánh đều ưa thích tri kiến thù thắng. Noãn sinh thấp sinh tánh nó phần nhiều là ngu si (nay xét rõ noãn sanh thấp sinh trong loài người không có nhiều ngu si, làm vua kim luân có thể đắc quả Thánh, đây là theo phần nhiều. Hoặc các loại noãn sinh đời đời đều sinh trở lại, cho nên các loài phi cầm v.v... người đời gọi tái sinh, bậc Thánh sợ nhiều lần sinh nên không nhận nghĩa, thấp sinh phần nhiều nhóm họp đồng sinh, bậc Thánh sợ tạp cư nên cũng không thọ noãn sinh có thể như vậy, người thấp sinh đó tức không nhóm họp đồng, ở đây là theo phần nhiều. Luận chép: Người hóa sinh chỉ có người ở kiếp sơ như văn có thể hiểu. Luận chép: Bàn sinh có ba thứ, cho đến Yết-lô-trà v.v... là giải thích bàn sinh có cả bốn sinh, tất cả địa ngục cho đến đều chỉ có hóa sinh, đây là giải thích địa ngục và tầng trời, trung hữu.

25. Giải thích đường quý:

Luận chép: Quý thú chỉ chung cho đến tuy hết mà không no, là giải thích loài quý chỉ có hai thứ sinh, trong tất cả đời cho đến mà thọ thai sinh. Hỏi lý do Phật không lấy hóa sinh thọ thai sinh, hiện thọ thai sinh cho đến chuyên tu chánh pháp? Là Đáp: trung hữu có hai là lợi ích

và chỉ bằng đây là lợi ích. Y theo trung hữu có ba lợi ích, một là dẫn dắt thân quyến khiến họ vào chánh pháp, hai là giúp cho họ biết dòng luân vương, ba là khiến cho sự hóa sinh có tâm tăng thượng, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Lại nếu không như vậy cho đến dứt các nghi ngờ chê bai, thứ hai là dứt chê bai, lời văn rất dễ hiểu, Luận chép: Có Luận sư khác cho đến nói chỉ tức không thấy trình bày cách giải thích khác. Luận chép: Hoặc tin Phật cho đến đây không thành giải thích: Là Luận chủ bác bỏ, Đức Phật đã có trì nguyện thần thông, có công năng lưu thân lâu dài cần gì phải thọ thai sinh. Theo Luận Chánh Lý thì nay cho rằng cách giải thích theo lý kia chắc chắn thành tựu, có cả sự lưu tập lại thân chẳng phải công Đức Phật, lực vô úy v.v... chỗ nương nhờ huân tập cho nên không thể làm lợi ích rộng lớn cho thế gian. Sở dĩ như vậy vì có thể lưu pháp thông nguyện hay lưu lại được. Tất cả hóa sinh như pháp Sát-na chắc chắn không lưu nghĩa, nghĩa là sự diệt định của các pháp hữu vi trong từng Sát-na, thân lực Chư Phật cũng không thể lưu lại được.

Nếu muốn lưu lại lâu thì phải riêng hóa sinh, chỗ riêng hóa này chẳng phải chỗ nương tựa và huân tập công đức, lực, vô úy v.v... của Chư Phật, vì vậy đối với thế gian không có lợi ích. Nếu không như vậy thì Phật ứng hóa là như hình tướng bốn thân phải chịu các sự cúng dường, mà cho vô lượng chúng sinh được giải thoát. Cho nên ta vâng lệnh sư Tỳ-bà-sa đều nói lời như thế. Bồ-tát Hậu thân là lợi ích cho chúng sinh (lợi tha) nên không thọ hóa sinh, nghĩa cực thành không thể nghiêng động. Vì sao hóa sinh sau khi chết không để lại hình tướng? Do kia đốn sinh cho nên mau diệt, như người giỡn nước ra vào cũng cũng như vậy.

26. Ý kiến của Sư-Tỳ-bà-sa:

Sư Tỳ-bà-sa nói hóa sinh tạo sắc nhiều cho nên chết không để lại thân, đại chủng nhiều nên chết chẳng phải đốn diệt, tức do nghĩa này có thể chứng biết. Một là bốn đại chủng sinh thường tạo sắc, theo phẩm một trăm hai mươi bảy của luận Bà-sa hỏi một từ đại chủng vì chỉ tạo một tạo sắc cực vi là năng tạo, hoặc chỉ tạo một vì sao không thành bốn nhân một quả, nhân nhiều quả ít lẽ ra không đúng. Nếu năng tạo nhiều thì một bốn đại chủng sở tạo sắc có nhiều cực vi, vì sao lần lược chẳng phải đều có nhân. Theo Đối pháp nói có đối tạo sắc xoay vần đối nhau chẳng phải đều có nhân, chấp nhận thì trái với nghĩa tông của Đối pháp? Đáp: Lẽ ra phải nói rằng một bốn đại chủng chỉ có năng tạo, một sắc sở tạo cực vi, hỏi vì sao không thành bốn nhân một quả, nhân nhiều quả ít lẽ ra không đúng, đáp quả ít nhân nhiều theo lý cũng

không lỗi, người đời hiện thấy có loại như vậy, nên nói bốn nhân một quả không trái với lý. Có thuyết thì tạo nhiều, hỏi như vậy thì một bốn đại chúng tạo sắc sở tạo có nhiều cực vị, vì sao xoay vần chẳng chẳng phải nhân câu hữu? Đáp: Chẳng phải một quả nên chẳng phải cùng có nhân, do nhân câu hữu thì pháp chắc chắn đồng một quả. Đây không thành nhân đồng do dự nên lời bình rằng như đoạn văn trước đã nói là đúng, nay rõ ràng Chánh Lý không cho nhà phê bình Bà-sa là đúng. Hoặc sư câu-xá bác bỏ, ông y theo giải thích này là trái với nghĩa đúng của luận Bà-sa.

Luận chép: Nhân luận sinh luận cho đến vì đầy đủ sở thực, là gan văn rất dễ hiểu, luận chép: Vì không biết cho đến tạm thực có lỗi gì?

27. Giải thích về hóa sinh:

Đáp: Văn rất dễ hiểu, luận chép: Trong bốn sinh cho đến đều là hóa sinh, đã giải thích về hóa sinh nhiều, lời văn rất dễ hiểu. Theo Luận Chánh Lý có hai thuyết: Thuyết thứ nhất giống như luận này, thuyết thứ hai nói thấp sinh nhiều, hai thuyết không có nhà phê bình. Nay xét kỹ nếu gồm trung hữu thì hóa sinh nhiều, hoặc nói vốn có thì thấp sinh nhiều, hai thuyết chẳng trái nhau.

28. Nói về trung hữu:

Luận chép: Trong đây Pháp gì cho đến không được gọi là sinh, một bài tụng sau là thứ bảy nói về trung hữu, trung hữu có ba:

1. Nói về danh thể của trung hữu.
2. Dẫn giáo lý để chứng minh có trung hữu.
3. Nói rộng nghĩa môn, đây là bậc nhất.

Luận chép: Cho đến nên gọi là trung hữu, ở đây nêu ra thể giải thích tên, có tự thể khởi đó là năm uẩn dị thực, sau khi chết ở đường trước, sinh ở đường sau, trung gian của hai đường trước gọi là trung hữu, giữa hai đường gọi là trung, trong bốn hữu có nhiếp một hữu nên gọi là “Hữu”, trung tức là hữu nên gọi là trung hữu. Luận chép: Thân này đã khởi sao không gọi là Sinh, là hỏi sinh và khởi tên khác mà nghĩa đồng, đã gọi là khởi vì sao không phải sinh. Luận chép: Sinh nghĩa là đời đương lai cho đến nên không gọi là Sinh, là đáp. Tuy sinh cùng khởi tên khác nghĩa đồng trong bốn hữu đặt tên là sinh đó là đối với sự thích ứng ở đương lai cho đến xứ thành đặt tên sinh, chẳng phải địa vị khác, do khởi lên tên trung hữu này chẳng sinh. Vì sao gọi là chỗ nên đến ở đời đương lai? Là hỏi. Luận chép: Đã dẫn chứng dị thực cho đến, chỗ nên đến là đáp. Luận chép: Có bộ khác nói cho đến nên không có trung hữu, là chấp của đại chúng bộ.

Luận chép: Ở đây không nên chấp cho đến giáo lý, là gì? Dưới đây thứ hai có hai bài tụng dẫn rộng giáo lý để chứng minh có trung hữu. Luận chép: Cho đến xứ chắc chắn đứt quãng, dẫn hạt lúa v.v... làm thí dụ để bác bỏ, hiện tại đang thấy hạt lúa là pháp hoạt động nối tiếp, hạt giống đến khi nảy mầm cho đến khi kết thành hạt trong thời gian đó không xen hở cho nên biết giữa hai trung hữu chết, sống cũng không xen hở. Chẳng lẽ không hiện thấy đến chỗ nào ngăn đứt sự nối tiếp sinh, theo đại chúng bộ dẫn hình tượng làm thí dụ để chống chế. Luận chép, thật sự có các hình tượng cho đến nên không thành thí dụ, ở đây liền lược lấy hai lý để phá chấp một là hình tượng có không thành, hai là chẳng phải đẳng... không thành.

29. Không có cả hai cùng lúc:

Luận chép: Nói tượng không thành cho đến không có cả hai cùng lúc, không có cả hai cùng lúc. Vô hai tịnh này đều có bốn thứ:

1. Hình tượng trong gương khác nhau cả hai không cùng lúc.
2. Hai bờ sắc tượng cả hai không cùng lúc.
3. Chỗ bóng và ánh sáng cả hai không cùng lúc.

4. Hình tượng trong gương, mặt trăng dưới nước cả hai không cùng lúc.

Luận chép: Vì đối với một xứ cho đến nương vào đại khác nhau, đây là bậc nhất, mặt gương sắc tượng khác nhau thể bốn đại tạo là đối ngại. Vì sao một xứ hai đặc đồng sinh nên biết không có hình tượng, luận chép: Trên thiểm thủy cho đến hai sắc đều sinh: hai bờ thứ hai thấy nhau lẫn rõ ràng, tức là một xứ có hai tượng sắc, chưa hề có một xứ đồng thời thấy hai sắc, cho nên biết không có thật tượng một xứ sinh cùng lúc. Lại bóng và ánh sáng nghĩa là cả hai sinh cùng lúc, thứ ba ánh sáng và bóng trái nhau chưa hề đồng xứ, hiện thấy trong gương, ánh sáng trong bóng, nên biết ánh sáng không thật có. Hoặc nói một xứ cho đến mà sao thấy riêng là thứ tư, nếu cho rằng tượng sắc mặt gương đồng xứ, thấy mặt trăng trong gương như nhìn nước dưới giếng, gần xa thấy riêng, vì vậy biết các tượng đối với lý thật là không, tổng kết đoạn văn trên. Nhưng các nhân duyên cho đến khó có thể suy nghĩ bàn luận, là giải thích đoạn văn này, hình tượng tuy thật không có nhân duyên khiến cho thấy, khó suy nghĩ bàn luận chẳng sánh bằng lý do như vậy, đã nói không thành cho đến cũng chẳng phải thí dụ, kết trước khởi sau khác nhau trong đó có hai, một là nối tiếp chẳng phải nối tiếp khác nhau, hai là do hai duyên không do duyên khác nhau. Luận chép: Do chất và tượng cho đến nên không thành dụ, là giải thích thứ nhất.

30. Ví dụ về chiếc gương:

Tượng, chất có cùng lúc, chẳng phải trước sau nối tiếp, sinh, tử cả hai có thời gian khác nhau trước sau, chẳng phải có cùng lúc, khác nhau nên chẳng dụ. Luận chép: Lại chỗ hiện tượng cho đến chẳng đồng đối với pháp là giải thích thứ hai, khi gương có hình ảnh thì nhân duyên đối với bốn chất y vào mặt gương mà sinh, do hai duyên nên khác nhau với pháp. Sinh có sinh thời, chỉ do tử mà có, không có phân biệt duyên tốt xấu, như gương nên khác nhau, luận chép: Cũng không thể nói, cho đến là thắng y tánh, là bác bỏ chuyển cứu lời văn rất dễ hiểu, luận chép: Đã nương vào chánh lý chứng minh có trung hữu, tổng kết lý trước dẫn phá sáu giáo sau để chứng minh. Luận chép: Khế kinh nói cho đến nghiệp có trung hữu, là kinh thứ nhất, kinh phân biệt rõ ràng ngoài năm đường nói có trung hữu riêng nên biết chẳng phải không, luận chép: Hoặc Khế kinh này cho đến đâu hiện tại tiền, là kinh thứ hai.

Kiên-đạt-phước, Hán dịch là tầm hương, trung hữu ăn mùi hương nên gọi là tầm hương, luận chép: Hoặc Khế kinh này cho đến vốn chỉ có trung hữu, là kinh thứ ba, uẩn trước đã diệt không thể nói, đây nói về chắc chắn là trung hữu, Luận chép: Nếu lại không tụng cho đến thế nào là trung bát là kinh thứ tư, năm loại bất hoàn, trong đó nêu riêng trung bát, vì thế biết trung hữu chắc chắn chẳng phải không. Luận chép: Có các luận sư khác chấp cho đến gọi là Trung bát. Là Đại chúng bộ v.v... Chống chế. Luận chép: Cho nên lẽ ra chấp nhận cho đến chấp chẳng phải thiện, là phá chuyển chống chế, hoặc năm Bất Hoàn nói có Trung bát, tức là có trung thiên riêng. Trong năm bất hoàn nói sinh bát v.v... lẽ ra lại có sinh riêng v.v... đồng với trời, đã không chấp nhận như vậy, nên chấp phi lý. Luận chép: Lại kinh nói hữu cho đến chắc chắn chẳng đúng lý, lại dẫn bảy thiện sĩ chứng minh không có trung thiên, là kinh thứ năm, như hỏa tính gần xa thời gian không gian tùy lúc diệt khác nhau, đặc biệt nói trung thiên đâu có sự khác nhau này, chấp có Trung thiên chắc chắn chẳng đúng lý.

31. Cháp của sư thứ hai:

Luận chép: Hữu dư lại nói cho đến thọ lượng trung gian, là chấp của Sư thứ hai, y sư này nói thời gian từ cõi Dục khí chết sinh lên cõi Sắc, trong khoảng thọ lượng mà nhập Niết-bàn gọi là Trung bát, luận chép: hoặc cận thiên trung gian cho đến đó gọi là Trung bát, là giải thích khác của Sư thứ ba, ý vị sư này cho rằng ban đầu sinh cõi Sắc chưa đến pháp hội trung gian Niết-bàn, nên gọi là Trung bát, trên đây hai sư đã giải thích năm bất hoàn trải qua Trung bát, theo luận Bà-sa quyển

sáu mươi chín đó là phân biệt luận. Do giới vị cho đến nên có ba phẩm, là giải thích của Sư thứ hai, trong Khế kinh Thất Thiện sỹ thú nói trung bát chia làm ba, thọ lượng trung gian đều có ba vị, một nhiệm tướng chưa sinh gọi là vị chí giới, giới là tên khác của nhân chủng, hạt giống lúc chưa phát khởi gọi là Chí giới. Luận Chánh Lý nói có hạt giống chưa hiện hành là Chí giới đây là lời căn thức là đệ nhất Trung bát, hoặc là tướng vị, kế là lúc sau khi nhiệm tướng sinh. Luận Chánh Lý cho rằng tướng kia sơ hành gọi là tướng vị, đây là trung căn là Trung bát thứ hai, hoặc tầm vị thì Luận Chánh Lý gọi do sức phiền não khiến cho tâm đối cảnh sinh ra nhiều thứ tìm cầu gọi là tầm vị, đây là hạng độn căn là trung bát thứ ba. Luận chép: Hoặc chấp lấy cõi Sắc cho đến là tên thứ nhất, đây là Sư thứ hai giải thích khác. Thất Thiện Sĩ Thú trải qua trung bát chia ba đây là Trung bát thứ nhất, tức là từ lúc sinh lên các tầng trời cõi Sắc hưởng về pháp hội thiên, thời gian chặng giữa có gần xa, do trước sau khác nhau, người thứ nhất sinh thiên chưa đến liền nhập Niết-bàn, từ đó kế tiếp đến sau gọi là thứ hai, là giải thích thứ hai, luận chép: Lại từ đây về sau cho đến đó gọi là thứ ba, là giải thích lần thứ ba, ba người trên đây đều là Trung bát.

Luận chép: Nhập pháp hội rồi cho đến gọi là sinh bát: đó là Thất Thiện Sĩ Thú là người thứ tư, hoặc diệt đa thọ gọi là sinh bát, là giải thích thứ hai, giải thích riêng sinh bát nên phân biệt khác với Trung có ba. Luận chép: Theo luận đã nói vậy cho đến đều không tương ứng, tóm lại chẳng phải trên đây đã nói đều không tương ứng với thất thiện sỹ thú, dụ hỏa tinh. Luận chép: Vì sao?

Vì Sư Đại Chúng bộ gạn hỏi lý do không tương ứng, luận chép: Vì xứ hành kia không khác nhau, là đáp, trong đó có hai một là do hạnh không khác nhau, hai là cõi Vô Sắc lẽ ra có Trung bát, đây là ban đầu, dụ hỏa tinh chỗ diệt khác nhau, hành có gần xa, do đó chia ra Trung bát có ba thứ khác nhau, như nói cho đến cõi Sắc tương hoặc tầm và ban đầu chấp đồng phần thiện pháp lạc tầng trời, tuy nói thời gian khác nhau trước sau chia thành ba diệt xứ hành thời cùng hỏa tinh dụ không giúp lẫn nhau, sẽ do đó nói đều không tương ứng. Luận chép: Còn cõi Vô Sắc cho đến đều là lưỡng đối, thứ hai Vô Sắc lẽ ra có bát, đây là trước phá phá cả hai thuyết nghĩa là trung gian thọ lượng và trung gian cận thiên. Đây chỉ phá thọ lượng trung gian không phá trung gian cận thiên, vì cõi Vô Sắc không nhập pháp hội thiên v.v... nhưng không nói thuyết trong Già-đà cho đến kia dẫn văn để chứng minh.

32. *Giải thích danh từ:*

Ôn-đà-nam Hán dịch là tập thí, Già-đà Hán dịch Tụng, xưa dịch kệ là sai, nhóm họp chung các Thánh hiền, thuận giải thoát phần trở lên gọi là Hiền, thấy đạo trở về xuống gọi là Thánh, bốn Tĩnh lự đều có mười, Hiền có hai người đó là khởi bảy phương tiện, chưa khởi bảy phương tiện sinh lên tầng trên. Bạc Thánh có tám vị, đó là Thất Thiện Sĩ Thứ và A-la-hán, ba là cõi Vô Sắc không có ba pháp Trung bát, Phi tướng lại liên quan thượng lưu. Người đầu tiên sinh về tầng trời kia vì không có thượng lưu, chẳng phải không có bậc từ hạ thiên thượng lưu khác đến. Luận chép: Nếu không tụng các kinh như thế, hoặc không tụng tổng tập các kinh của các Thánh hiền, chữ Đẳng là đồng thủ kinh Thất Thiện Thứ. Luận chép: Pháp Vương vô thượng cho đến thật có cực thành. Luận chủ lại than rằng đấng Pháp vương vô thượng đã diệt độ từ lâu, khi soạn luận này thì Phật nhập Niết-bàn đã chín trăm năm, các đại Pháp cũng sắp nhập Niết-bàn, ngài Ca-diên, Pháp cứu... đã nhập diệt, chi Thánh giáo lìa, đã thành nhiều bộ, sau khi Phật nhập Niết-bàn một trăm năm là sơ, bốn trăm năm là hậu, trước sau chia thành hai mươi bộ, đầy đủ như luận Tông Luân nói, đến nay chuyển biến mạnh mẽ cho đến chín trăm năm chuyển biến càng mạnh mẽ.

Nói trái lý là tượng trước thật có bất thành chẳng phải đồng nên chẳng thí dụ, nói chống lại bảy bộ kinh đã được dẫn, vẫn còn lại rất dễ hiểu. Luận chép: Nếu vậy vì sao cho đến địa ngục Vô gián. Là Đại chúng bộ v.v... dẫn Khế kinh chứng minh không có trung hữu, gồm có ba kinh, đây là kinh thứ nhất. Nếu có trung hữu thì vì sao kinh nói hiện thân điên đảo vào địa ngục Vô gián. Độ sử Hán dịch là hủy hoại, Ma-la Hán dịch là sát giả, luận Bà-sa quyển một trăm hai mươi lăm chép Phật Yết-lạc-ca-tôn-đà dắt một thị giả tên là Chí viễn vào thôn Bà-la-môn khát thực theo thứ lớp. Lúc ấy, Ma-độ biến hóa thành một thiếu niên từ xa ném đá trúng đầu thị giả chảy máu đầy mặt, nhưng vẫn đi theo sau Phật, Phật quả trách Ma-độ rằng: “Sao ông lại phi phần gây ra nghiệp ác này”, khi nghiệp của Ma-độ hết liền đọa địa ngục.

33. Dẫn thí dụ chứng minh không có trung hữu:

Ý kinh này nói cho đến về sau thọ sinh: Là Luận chủ giải thích kinh, lời văn rất dễ hiểu. Luận chép: Vì sao Kinh nói cho đến đọa vào Na-lạc-ca, là dẫn chứng thí dụ thứ hai để chứng minh không có trung hữu. Theo kinh nói Vô gián tức sinh nên biết không có trung hữu, nếu có trung hữu thì có đứt quãng. Luận chép: Ý kinh này ngăn dứt cho đến chắc chắn thuận sinh thọ, là Luận chủ giải thích kinh, y theo trung hữu có ba đó là thuận thông, phản thông và văn trách mê đoạn văn này

thuận thông. Nói Vô gián có hai nghĩa một là chắc chắn đọa địa ngục không đến các đường khác nên gọi là Vô gián, hai là chắc chắn thọ sinh báo, không sinh các cõi khác nên gọi là Vô gián, chẳng phải không có trung hữu gián.

Luận chép: Nếu chỉ chấp vãng cho đến không đọa thân hoại, thứ hai là bất bẻ ngược lại, là giải thích có hai, một là kinh nói Vô gián, kia không chấp nhận có trung hữu, theo kinh thì năm nghiệp Vô gián đọa vào địa ngục, lẽ ra phải có đủ năm Vô gián mới đọa, thiếu thì không đọa, đây là bậc nhất. Chỉ có năm nghiệp Vô gián mới đọa vào địa ngục, các nghiệp ác khác chẳng đọa địa ngục v.v... mới đọa lỗi lớn, đây là thứ hai. Kinh chép: gây ra nghiệp Vô gián liền đọa địa ngục, lẽ ra tạo nghiệp thì liền đọa địa ngục, không đọa khi qua đời, tâm v.v... mới đọa địa ngục, đây là cách thứ ba. Luận chép: Hoặc tuy không chấp nhận cho đến tức là sinh hữu, thứ ba là vãng trách mê, ông mê lầm vãng kinh, kinh dạy Vô gián liền sinh, sinh trung hữu, trung hữu là sinh phương tiện, nên gọi là sinh, từ sinh được tên gọi chẳng phải tánh chế phục, nếu y theo tự tánh lẽ ra gọi là khởi, như trước đã nói rộng.

34. Chứng minh không có trung hữu:

Luận chép: Nếu vậy thì kinh tụng cho đến không có sự ngừng dứt, là dẫn kinh thứ ba, chứng minh không có trung hữu, bài tụng này Đức Phật nói cho Bà-la-môn nghe, Bà-la-môn tên là Tái Sinh, vì lúc mới sinh ra đặt tên Nhất Sinh, lúc thọ pháp gọi là Tái Sinh, xuất thai có năm giai đoạn: Anh hài, đồng tử, thiếu niên, thành niên và già niên. Nay ông ở giai vị quá thịnh, qua thành niên thứ tư cho đến già niên, đến lúc suy thì gần với vua Diêm-ma, nghĩa là lúc sắp chết, vua Diêm Ma, xưa dịch là vua Diêm La, Hán dịch là tinh tức, người tội tinh dứt xếp vào thị phi, người muốn tới con đường trước không có tư lương, nếu ông có tư lương đến chỗ vua phán xét sinh về đường lành, nếu không có tư lương thì phán xét đọa vào đường ác, tìm cầu trụ ở trung gian không có chỗ dừng. Ông sợ sệt đường ác nếu muốn cầu trụ trung gian, thì không có chỗ dừng, Luận chép: Nếu có trung hữu cho đến không có chỗ dừng nghỉ, là phân biệt nguyên nhân thấy không có trung hữu. Ý bài tụng này hiểu rõ cho đến hạnh vô ngại: Là Luận chủ giải thích kinh. Trong văn có hai: Một là vì trong cõi người mau trở về ma diệt, không tạm dừng nghĩa là không có chỗ dừng nghỉ, thứ hai là hoặc ở trung hữu mau vãng sinh xử trung, không dừng nghỉ.

35. Đại chúng bộ gạn hỏi:

Luận chép: Đâu biết ý kinh như thế chẳng phải gì khác, là Đại

chúng bộ v.v... gạn hỏi, nào có biết kinh y theo “Tốc quy ma diệt và tốc vãng sinh xứ”, nói không có chỗ dừng, chẳng phải y theo không có trung hữu nói trung gian không dừng nghỉ. Ông lại nào có biết như các điều khác chẳng giống như đây. Luận chủ gạn lại Đại chúng bộ, ông cũng đâu biết rằng khi nói điều khác y theo không có trung hữu gọi là không có chỗ dừng nghỉ, chẳng giống như ta nói, y theo mau hoại diệt gọi là vô sở chỉ, cả hai trường hợp trách đã đồng nhau và không có trái hại, Luận chủ nói kinh không thành luận chứng, một là vì hai trách đồng đẳng, hai là dùng một giải thích giống nhau. Luận chép: Vì sao chứng minh cho đến chí là chứng không thành, kinh thành ra chẳng phải luận chứng.

